

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH F88

Ngày 11.. tháng 11. năm 2025

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Căn cứ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”); và
- Những quy định hướng dẫn, sửa đổi Luật Doanh nghiệp và các luật và quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1.1 Định nghĩa

Trừ trường hợp ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác đi, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều lệ này sẽ có ý nghĩa như được thể hiện tại Phụ lục 1.

1.2 Diễn giải

- (a) Tất cả các Phụ lục của Điều lệ này tạo thành một phần của Điều lệ này và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như được quy định rõ tại nội dung của Điều lệ này. Mọi tham chiếu đến Điều lệ này sẽ là tham chiếu đến Điều lệ này đã được bổ sung, thay đổi hoặc sửa chữa vào từng thời điểm.
- (b) Trừ khi ngữ cảnh quy định khác đi, khi được tham chiếu trong Điều lệ này:
 - (i) danh từ số ít sẽ bao gồm cả hàm ý số nhiều và ngược lại;
 - (ii) các Điều khoản hoặc Phụ lục được hiểu là các điều khoản hoặc phụ lục của Điều lệ này;
 - (iii) các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản của các văn bản pháp luật sẽ được hiểu là tham chiếu đến các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản đã được điều chỉnh, mở rộng, hợp nhất, tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày Điều lệ này có hiệu lực) và các nghị định, quy định hoặc các điều khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản này; và
 - (iv) các từ “gồm” hoặc “bao gồm” sẽ được hiểu giống nhau trong mọi trường hợp.
- (c) Các tiêu đề chỉ được dùng với mục đích tạo thuận lợi cho người đọc và không ảnh hưởng đến việc giải thích Điều lệ này.

2. THÀNH LẬP CÔNG TY

2.1 Thành lập Công ty

- (a) Các Cổ đông cùng đồng ý thành lập Công ty với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
- (b) Bất kỳ Cổ đông mới nào của Công ty sau này đều chịu sự ràng buộc vô điều kiện và không hủy ngang của các điều khoản trong Điều lệ này.

2.2 Tên Công ty

- (a) Tên tiếng Việt: Công ty Cổ Phần Kinh doanh F88
(b) Tên tiếng nước ngoài: F88 Business Joint Stock Company
(c) Tên viết tắt: F88 BUSINESS JSC

2.3 Trụ sở Chính Công ty

- (a) Trụ sở Chính đặt tại: Tầng 8, Tòa nhà G-Group Tower, số 5 Nguyễn Thị Duệ, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04730.66388

Fax:

Website: www.f88.vn

- (b) Trong phạm vi mà Pháp luật cho phép, Hội đồng Quản trị của Công ty có toàn quyền quyết định dời Trụ sở Chính hoặc mở văn phòng chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác của Công ty tại Việt Nam hoặc nơi khác theo quy định của Pháp luật.

3. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

3.1 Công ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và chịu trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ này.

3.2 Trách nhiệm hữu hạn

- (a) Trong trường hợp bất kỳ một Cổ đông nào đó không thanh toán đầy đủ cho số Cổ phần mà người này đã cam kết mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải đại diện cho Công ty cấp thêm vốn, dưới hình thức thanh toán mua Cổ phần, cho vay, tạm ứng, bảo lãnh hoặc các hình thức khác. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản thỏa thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ nào đối với bất kỳ Cổ đông nào.
- (b) Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất cứ khoản nợ, mất mát hoặc chi phí của bất kỳ Cổ đông nào, cho dù các nghĩa vụ, mất mát hoặc chi phí này xảy ra trước hoặc sau khi có sự tồn tại của Công ty.

3.3 Người Đại diện theo pháp luật của Công ty

Họ và tên : Ông Phùng Anh Tuấn

Sinh ngày : 07 tháng 12 năm 1984

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số : 131550027 Ngày cấp 24/02/2003 Nơi cấp: CA. Tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại : 26, BT2 Khu Đô Thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

4. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

4.1 Mục tiêu

Công ty được thành lập vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và tham gia vào các hoạt động kinh doanh nêu trong Điều 4.2 và các hoạt động kinh doanh khác vào từng thời điểm theo qui định của Pháp luật.

4.2 Ngành nghề Kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Kinh doanh thương mại điện tử, mua bán trên Internet; (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	4791
2	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	6492 (Chính)
3	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
6	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
7	Cho thuê xe có động cơ	7710
8	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
9	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4513
10	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Ký gửi hàng hóa; Đại lý hàng hóa	4610
11	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622

	Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	
12	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
13	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
14	Quảng cáo	7310
15	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ bán hàng: tìm kiếm khách hàng, giới thiệu sản phẩm, nhập thông tin khách hàng	8299
17	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ mua bán nợ (trừ phạm vi cung ứng dịch vụ đối với (i) các tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 và 56 Luật Đất đai năm 2013; nhà ở theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ hoặc bất động sản tại các đảo, xã ven biển, ven biên giới đất liền, khu vực quốc phòng - an ninh,... và (ii) các khoản nợ và có phương án chuyển khoản nợ thành vốn điều lệ tại các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường hoặc tiếp cận thị trường có điều kiện). (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp không kinh doanh trong ngành nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật).	6499
18	Đánh giá rủi ro và thiệt hại Chi tiết: Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.	6621
19	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

Công ty có thể đầu tư vào các công ty khác có ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

5. QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện theo quy định của Pháp luật, bao gồm những hoạt động sau:

- (a) tuyển dụng, trả lương, kỷ luật, thưởng và sa thải Thành viên Ban Điều hành, cán bộ quản lý, nhân viên và công nhân;

- (b) thuê, chỉ định, ký kết, hoặc ủy quyền cho bất kỳ nhà phân phối, đại lý hoặc nhà thầu nào nếu thấy cần thiết cho công việc kinh doanh của mình;
- (c) tham gia ký kết và thực hiện bất kỳ các hợp đồng hoặc cam kết nào;
- (d) mua, thuê hoặc sở hữu hợp pháp bất động sản, thiết bị, và tất cả các loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất;
- (e) bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng bất động sản, thiết bị, và tất cả các loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất khi các tài sản này không còn cần thiết cho hoạt động của Công ty;
- (f) thuê hoặc sử dụng tất cả các hình thức dịch vụ cần thiết hoặc hữu ích;
- (g) duy trì các quan hệ ngân hàng với tất cả các loại hình tổ chức tài chính ở mọi nơi, bao gồm việc vay mượn hoặc tham gia các cam kết tài chính với bất kỳ một tổ chức tài chính nào, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào, tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài;
- (h) vay hoặc cho vay, bảo lãnh, bồi hoàn, ủy nhiệm và thế chấp, cầm cố, tạo lập quyền lợi đảm bảo, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác trên bất kỳ tài sản nào của mình để đảm bảo cho các khoản vay hoặc các cam kết khác có liên quan đến nghĩa vụ của mình hoặc của bên thứ ba;
- (i) tiến hành các vụ kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong các vụ kiện;
- (j) thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản và nợ và các khoản thu từ việc chuyển nhượng các tài sản mà công ty có toàn quyền quyết định;
- (k) tái đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích hoạt động của Công ty;
- (l) mua bảo hiểm cho Công ty;
- (m) sử dụng các luật sư, kế toán viên, nhà tư vấn, đại lý, cố vấn, kiến trúc sư, kỹ sư, và nhà thầu để hỗ trợ Công ty;
- (n) tham gia vào các giao dịch và hoạt động liên quan đến quản lý ngoại hối;
- (o) tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoặc kết thúc thời gian hoạt động của Công ty;
- (p) mua, thuê, cho thuê, bán, chuyển nhượng và/hoặc sửa chữa, tất cả các máy móc thiết bị, phần mềm, ấn bản, ấn phẩm và bất kỳ tài liệu nào khác, vật dụng hoặc các thứ khác cần thiết cho việc kinh doanh của Công ty mà Nhà nước cho phép ở trong và ngoài lãnh thổ Việt nam, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào;
- (q) đăng ký và thực hành bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ;
- (r) quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm của Công ty;
- (s) yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng đôla Mỹ, các ngoại tệ khác hoặc bằng tiền Đồng mà Hội đồng Quản trị có thể quyết định theo quy định của Pháp luật;
- (t) thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi Đại Hội đồng Cổ đông thấy cần thiết, với điều kiện phải có Sự Chấp thuận của Nhà Nước nếu Pháp luật quy định;

- (u) sử dụng các phương thức cấp vốn hợp pháp để thực hiện việc kinh doanh;
- (v) thành lập công ty liên doanh với các đối tác Việt Nam hoặc nước ngoài và đầu tư vốn vào các công ty Việt Nam hoặc nước ngoài khác theo quy định của Pháp luật;
- (w) thực hiện hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu;
- (x) chủ động tiến hành và quản lý hoạt động kinh doanh và áp dụng bất kỳ phương thức quản lý cần thiết nào để thực hiện các hoạt động này;
- (y) từ chối và tố cáo mọi đề nghị cung cấp vốn bằng tiền mặt hoặc hiện vật của bất kỳ Người nào mà Pháp luật không yêu cầu; và
- (z) tiến hành tất cả các hoạt động hợp pháp khác; ký kết tất cả các thỏa thuận, văn bản và văn kiện pháp lý khác nếu xét thấy cần thiết cho mục tiêu của Công ty hoặc của hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty sẽ tồn tại vô thời hạn, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 57.2 của Điều lệ này.

CHƯƠNG II VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC 1. VỐN

7. VỐN ĐIỀU LỆ

7.1 Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty sẽ là **1.673.185.770.000** đồng (*Một nghìn, sáu trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn Việt Nam Đồng*) và đã được góp đầy đủ theo quy định tại Điều 12. Vốn Điều lệ sẽ được tự động điều chỉnh khi phát hành các Cổ phần mới.

7.2 Sử dụng Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc trong trường hợp thích hợp, sẽ có thể được phê chuẩn bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này.

8. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

8.1 Phụ thuộc vào quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 21.3 và Điều 25.2 Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có thể quyết định phát hành thêm Cổ phần thông qua việc bán cho các Cổ đông hiện hữu, phát hành ra công chúng hoặc phát hành riêng lẻ, với điều kiện việc phát hành phải được phép theo Điều 10.2, và với điều kiện là giá của mỗi Cổ phần mới này, tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá thị trường của mỗi Cổ phần, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có thể phát hành các Cổ phần đó với khoản chiết khấu (i) tối đa là 5% khi được Pháp luật cho phép, hoặc (ii) trên 5% nếu được Pháp luật cho phép và được chấp thuận bởi Đại Đa số phiếu của Đại Hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá thị trường của mỗi Cổ phần phải được Hội đồng Quản trị xác định một cách trung thực. Khi thực hiện các nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một công ty kiểm toán đủ điều kiện để đưa ra đánh giá.

8.2 Bán cho các Cổ đông hiện hữu

Trừ khi có quyết định khác bằng biểu quyết chấp thuận của Đại Đa số phiếu của Đại Hội đồng Cổ đông, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác hoặc trái phiếu khác thì:

- (a) Công ty sẽ gửi văn bản thông báo ý định của mình đến từng Cổ đông trong đó nêu rõ loại Cổ phần phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện;
- (b) sau khi thông báo trên được gửi qua bưu điện hoặc được giao cho các Cổ đông, mỗi Cổ đông sẽ có mười lăm (15) ngày để gửi văn bản đến Công ty về việc đồng ý mua số lượng cổ phần phát hành thêm với tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty theo mức giá và các điều kiện ghi trong thông báo, đồng thời nêu rõ số lượng Cổ phần sẽ mua thêm;
- (c) Nếu các Cổ đông không thực hiện đầy đủ quyền ưu tiên mua trong vòng mười lăm (15) ngày nêu trên, thì trong chín mươi (90) ngày kế tiếp theo đó, Công ty sẽ có quyền bán hoặc ký kết thỏa thuận bán số Cổ phần phát hành thêm tương ứng với số lượng Cổ phần bị Cổ đông từ chối mua theo quy định trong điều khoản này, nhưng giá và các điều kiện dành cho người mua không được ưu đãi hơn giá và các điều kiện được ghi trong thông báo Công ty gửi cho các Cổ đông.

8.3 Phát hành riêng lẻ

Khi Công ty chưa trở thành công ty công, việc phát hành riêng lẻ Cổ phiếu bởi Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

8.4 Việc phát hành thêm Cổ phiếu phải tuân thủ theo tất cả quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác.

9. GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Thông qua biểu quyết chấp thuận của Đại Đa số phiếu của Đại Hội đồng Cổ đông và theo các điều kiện hoặc sự chấp thuận của Nhà Nước trong trường hợp pháp luật yêu cầu, Vốn Điều lệ có thể được giảm theo phương thức, số tiền và thời điểm giảm Vốn Điều lệ (bao gồm cả việc mua lại Cổ phần từ Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty) và việc giảm vốn Điều lệ này phải tuân theo các điều kiện hoặc Văn bản Chấp Thuận của Nhà Nước nếu Pháp luật qui định.

MỤC 2. CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

10. CỔ PHẦN

10.1 Mệnh giá Cổ phần

Mệnh giá của mỗi Cổ phần sẽ là 10.000 VNĐ (mười ngàn VNĐ) hoặc giá trị khác được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với Pháp luật.

10.2 Số lượng Cổ phần

Tổng số Cổ phần được phép phát hành của Công ty là 167.318.577 cổ phần phổ thông (Một trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm bảy mươi bảy cổ phần). Tất cả Cổ phần do

Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Số lượng Cổ phần sẽ được tự động điều chỉnh khi phát hành các Cổ phần mới.

10.3 Quyền biểu quyết của Cổ phần

Mỗi Cổ phần cho phép Cổ đông nắm giữ tương ứng có một phiếu biểu quyết tại các Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

11. CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

11.1 Các Cổ đông Sáng lập đã đăng ký mua và đã mua cụ thể như sau:

Cổ đông sáng lập	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư F88	1.673.018.450.000	99,99
Ông Phùng Anh Tuấn	83.660.000	0,005
Ông Ngô Quang Hưng	83.660.000	0,005

Chi tiết về Cổ phần mà các Cổ đông Sáng lập đã đăng ký mua được nêu tại Phụ lục 2.

11.2 Trong thời hạn ba năm kể từ ngày cấp lần đầu Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Cổ phần Phổ thông của Cổ đông Sáng lập có thể được tự do chuyển nhượng cho các Cổ đông Sáng lập khác, nhưng không thể chuyển nhượng cho những người không phải Cổ đông Sáng lập trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

11.3 Các hạn chế tại Điều 11.2 sẽ không áp dụng cho Cổ phần bổ sung mà Cổ đông Sáng lập mua được sau khi thành lập Công ty và sẽ không áp dụng cho Cổ phần mà Cổ đông Sáng lập chuyển nhượng cho những người khác không phải là Cổ đông Sáng lập của Công ty.

12. THANH TOÁN MUA CỔ PHẦN

12.1 Các Cổ phần do Công ty phân phối cho Cổ đông và/hoặc bất kỳ Người nào khác phải được thanh toán tiền đầy đủ một lần trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày thông báo phân phối Cổ phần trừ khi Pháp luật hoặc nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông quy định khác.

12.2 Bất kỳ Người nào được phân phối Cổ phần nhưng không thanh toán cho số Cổ phần này theo quy định của Điều lệ này sẽ không trở thành Cổ đông và không được ghi nhận là Cổ đông trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, cũng như không được cấp Cổ phiếu.

12.3 Việc thanh toán tiền mua Cổ phần có thể được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc nếu được Hội đồng Quản trị phê duyệt thì có thể thực hiện bằng hiện vật.

- (a) Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng ngoại tệ thì số tiền thanh toán sẽ được chuyển đổi thành tiền Đồng Việt Nam với tỷ giá mua vào áp dụng cho ngoại tệ đó theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày thanh toán.
- (b) Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng vàng thì số vàng này sẽ được chuyển đổi thành tiền Đồng Việt Nam với mức giá mua vào bằng tiền đồng áp dụng cho

vàng có cùng chất lượng và mức giá này sẽ do Công ty Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn công bố vào ngày thanh toán.

- (c) Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng hiện vật sau khi Hội đồng Quản trị được thành lập thì tài sản sử dụng để thanh toán sẽ được định giá bởi Hội đồng Quản trị một cách trung thực. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một công ty kiểm toán có uy tín tiến hành việc định giá tài sản.

12.4 Trong trường hợp Pháp luật yêu cầu, việc thanh toán mua Cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:

- (a) tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;
- (b) tên và địa chỉ của Công ty;
- (c) mô tả tài sản và giá trị của tài sản được dùng để thanh toán; và
- (d) địa điểm và thời điểm giao tài sản.

Các Cổ đông sẽ ký kết tất cả các văn bản và tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng để hợp thức hóa việc chuyển nhượng hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua Cổ phần.

12.5 Ngay sau khi tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần, tài sản đó sẽ trở thành tài sản của Công ty và không có Cổ đông nào có thể đòi hỏi quyền lợi đối với tài sản này hoặc có quyền đòi, không thừa nhận hoặc tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản này.

13. CỔ PHIẾU

13.1 Sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty theo quy định tại Điều 18, Tổng Giám đốc phải phát hành, hoặc đảm bảo có một nhân viên của Công ty được ủy quyền phát hành, cho Cổ đông này Cổ phiếu cho các Cổ phần mà người này nắm giữ theo như quy định của Điều 13.

13.2 Phụ thuộc vào Điều 13.4 dưới đây, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần nắm giữ bằng một tờ Cổ phiếu chung.

13.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây, trong phạm vi được Pháp luật quy định:

- (a) Tên, mã doanh nghiệp và Trụ sở Chính của Công ty;
- (b) Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
- (c) Tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, và số CMND/hộ chiếu hoặc mã doanh nghiệp (nếu áp dụng) của Cổ đông;
- (d) Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;
- (e) Chữ ký của Tổng Giám đốc và dấu của Công ty; và
- (f) Số đăng ký tại Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu.

13.4 Nếu Cổ phiếu bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, Tổng Giám đốc sẽ phát hành Cổ phiếu mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Cổ phiếu mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu cũ bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản chi phí mà Công ty quy định.

14. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ CHUYỂN GIAO CỔ PHẦN

14.1 Chuyển nhượng Cổ phần

- (a) Cổ phần có thể được chuyển nhượng cho bất kỳ Người nào theo qui định và thủ tục do Điều lệ này quy định. Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào Sổ đăng ký Cổ đông theo như quy định trong Điều 18 của Điều lệ này.
- (b) Để đăng ký việc chuyển nhượng Cổ phần vào Sổ Đăng ký Cổ đông, Cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho Tổng Giám đốc cùng với bản gốc Cổ phiếu thể hiện số Cổ phần được chuyển nhượng.
- (c) Ngay sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản và Cổ phiếu có liên quan, Công Ty phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký Cổ đông. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu như việc chuyển nhượng không được Pháp luật cho phép hoặc trái với các điều khoản của Điều lệ này. Nếu Tổng Giám đốc từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng Cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận yêu cầu bằng văn bản.

14.2 Chuyển giao Cổ phần

- (a) Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, chỉ những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người đã qua đời theo quy định của Pháp luật mới được Công ty thừa nhận là có quyền, hoặc hưởng lợi, đối với Cổ phần của người đã qua đời. Tuy nhiên quy định tại Điều này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã qua đời khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất cứ Cổ phần nào mà người đó nắm giữ.
- (b) Một người có các quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành Cổ đông của Công ty với điều kiện người đó cung cấp được các bằng chứng đáp ứng yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
- (c) Một người có quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, tuy nhiên người đó chỉ có quyền tham dự và biểu quyết trong các Đại Hội đồng Cổ đông sau khi đã đăng ký trở thành Cổ đông.

14.3 Chuyển nhượng bởi Cổ đông Sáng lập hoặc Cổ đông Chiến lược

- (a) Nếu bất kỳ Cổ đông Sáng lập hoặc Cổ đông Chiến lược nào ("**Cổ đông Chuyển nhượng**") mong muốn Chuyển nhượng các Cổ phần ("**Cổ phần Chuyển nhượng**") cho bất kỳ Người nào, thì Cổ đông Sáng lập và Cổ đông Chiến lược khác (nếu áp dụng) ("**Cổ đông Không Chuyển nhượng**") sẽ có quyền, nhưng không phải là nghĩa vụ, có thể thực hiện bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Cổ đông Chuyển nhượng (và gửi một bản sao cho Công

ty) vào bất cứ thời gian nào trong vòng hai mươi (20) ngày sau khi nhận được Thông báo Chuyển nhượng để ngăn cản việc Chuyển nhượng đó trừ khi một tỷ lệ Cổ phần tương đương của Cổ đông Không Chuyển nhượng cũng được bao gồm trong việc Chuyển nhượng dự kiến đó với cùng một mức giá và cùng các điều khoản và điều kiện như đối với các Cổ phần Chuyển nhượng của Cổ đông Chuyển nhượng dự kiến chuyển nhượng.

- (b) Số Cổ phần của Cổ đông Không Chuyển nhượng được bán kèm theo sẽ là số Cổ phần của Cổ đông Không Chuyển nhượng có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ tổng số Cổ phần Chuyển nhượng so với tổng số Cổ phần của Cổ đông Chuyển nhượng.

15. MUA LẠI CỔ PHẦN

15.1 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

- (a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- (b) Công ty phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điều 15.1(a) này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Cổ đông giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp có uy tín quốc tế để Công ty lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15.2 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi (30) phần trăm tổng số Cổ phần phổ thông và số lượng không giới hạn Cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

- (a) Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- (b) Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần nhưng giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 15.2(c);
- (c) Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, quy trình mua lại Cổ phần theo Điều 15.2(c) này sẽ được thực hiện bởi (i) Hội đồng Quản trị trong trường hợp mua lại không quá mười (10) phần trăm tổng số Cổ phần của mỗi loại đã bán trong mỗi thời hạn mười hai (12) tháng và (ii) trong các trường hợp khác, Đại Hội đồng Cổ đông.

16. TRÁI PHIẾU

16.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc bán trái phiếu riêng lẻ theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Tất cả các điều kiện và điều khoản liên quan đến việc phát hành trái phiếu phải được Hội đồng Quản trị thông qua bằng nghị quyết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị ủy quyền vấn đề trên cho Tổng Giám đốc một cách hợp pháp.

16.2 Trong trường hợp Công ty phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành Cổ phần của Công ty, các quy định từ Điều 8.2 đến 8.4 sẽ áp dụng cho việc phát hành đó, với những thay đổi cần thiết.

16.3 Người chủ sở hữu trái phiếu không trở thành Cổ đông và không có các quyền của Cổ đông. Quyền của chủ sở hữu trái phiếu đối với Công ty được quy định riêng trong các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

MỤC 3. CỔ ĐÔNG

17. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

17.1 Trong phạm vi Pháp luật yêu cầu, Công ty phải có ít nhất ba (3) Cổ đông. Trước khi tiến hành chào bán Cổ phần ra công chúng, tổng số lượng Cổ đông không được vượt quá một trăm (100) Cổ đông trừ khi Hội đồng Quản trị quyết định khác đi.

17.2 Cổ đông được quyền sở hữu một hay nhiều Cổ phần.

17.3 Cổ đông là tổ chức trong và ngoài nước có quyền cử đại diện là cá nhân tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty theo quy định tại các Điều 19.2 và Điều 27.1 của Điều lệ này.

17.4 Các Cổ đông của Công ty có quyền tham gia vào các thỏa thuận cổ đông để thỏa thuận về các nội dung liên quan đến việc đầu tư vào Công ty.

18. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

18.1 Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau:

- (a) Tên và Trụ sở Chính của Công ty;
- (b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được phát hành và số Cổ phần được phát hành của từng loại;
- (c) Số lượng và giá trị của Cổ phần đã phát hành;
- (d) Tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số CMND/hộ chiếu hoặc mã doanh nghiệp (nếu áp dụng) của Cổ đông, số lượng Cổ phần nắm giữ của mỗi Cổ đông và ngày đăng ký Cổ phần; và
- (e) Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định vào từng thời điểm.

18.2 Sổ Đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở Chính của Công ty, và Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật Sổ Đăng ký Cổ đông, và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong sổ.

18.3 Chậm nhất là mười bốn (14) ngày sau khi nhận đủ thanh toán cho các Cổ phần do Công ty phát hành, Tổng Giám đốc sẽ ghi chép hoặc đảm bảo rằng nhân viên của Công ty sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông vào Sổ Đăng ký Cổ đông.

18.4 Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Công ty biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất được lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

18.5 Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc thanh lý bất kỳ một tài liệu nào trong các hồ sơ sau đây trong thời hạn mười hai (12) năm:

(a) đơn chuyển nhượng cổ phần đã được đăng ký, và các chứng từ khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ Đăng ký Cổ đông;

(b) các Cổ phiếu đã bị hủy bỏ;

và Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào được ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản đã đề cập trong đoạn này.

19. QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

19.1 Cổ đông có các quyền sau:

(a) tham dự Đại Hội đồng Cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông;

(b) được nhận cổ tức tại thời điểm và giá trị do Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của Điều lệ này;

(c) được ưu tiên mua Cổ phần mới theo quy định của Điều lệ này;

(d) khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ là những người được ưu tiên hơn theo Pháp luật qui định;

(e) được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty;

(f) xem danh sách Cổ đông có quyền dự Đại Hội đồng Cổ đông và các quyền biểu quyết của các Cổ đông này; và

(g) có các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

19.2 Ngoài các quyền do Điều lệ này hoặc Pháp luật quy định, bất kỳ Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông cùng sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên, đều có các quyền sau:

(a) đề cử các Thành viên Hội đồng Quản trị theo tỷ lệ phần trăm bằng hoặc xấp xỉ bằng tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong tổng số cổ phần của Công ty (không bao gồm bất kỳ cổ phần nào do các Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số Cổ phần);

(b) đề cử một ứng viên làm thành viên Ban Kiểm soát.

19.3 Ngoài các quyền do Điều lệ này hoặc Pháp luật quy định, bất kỳ Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông cùng sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên, đều có các quyền sau:

(a) yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường trong các trường hợp sau:

(i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã hết hạn quá sáu (6) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế; hoặc

(iii) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

(b) xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch

phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

- (c) yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

19.4 Các vấn đề cần phê chuẩn bởi Đại đa số phiếu của Đại Hội đồng Cổ đông

Đối với bất kỳ vấn đề nào được liệt kê dưới đây, một nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được chấp thuận bởi Đại đa số Phiếu trên toàn bộ số phiếu biểu quyết:

- (a) bất kỳ việc phát hành Cổ phần mới của Công ty, kể cả các chương trình thưởng cổ phần, mua cổ phần hoặc các chương trình chọn mua cổ phần dành cho nhân viên ngoại trừ trong trường hợp Công ty sử dụng một công ty chứng khoán danh tiếng hoặc ngân hàng đầu tư được Cổ đông Chiếu lược chấp nhận để huy động vốn và quá trình huy động vốn được thực hiện dưới hình thức đấu thầu cạnh tranh;
- (b) bất kỳ giao dịch bán, chuyển nhượng, thuê hay việc định đoạt khác đối với tài sản hoặc của cải, hoặc một nhóm tài sản của Công ty (ngoại trừ giao dịch bán các sản phẩm do Công ty sản xuất) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng nào sẽ có giá trị trường hợp lý hoặc theo giá trị giao dịch dự kiến vượt quá 20% giá trị tổng tài sản của Công ty vào cuối năm tài chính gần nhất;
- (c) việc Công ty nộp đơn xin giải thế, xin chịu sự quản lý về tài sản hoặc tổ chức lại theo luật phá sản hoặc thực hiện bất kỳ hành động tương tự nào;
- (d) việc Công ty mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác, cổ phiếu hoặc trái phiếu từ các công ty khác hoặc, ngoại trừ các giao dịch trong quá trình kinh doanh thông thường và bình thường, bất kỳ đầu tư nào của Công ty vào quyền sở hữu bất động sản;
- (e) việc Công ty ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết nào, hoặc một nhóm các hợp đồng hoặc cam kết có liên quan (ngoài các hợp đồng mua nguyên vật liệu) có giá trị hoặc có khả năng dẫn đến chi phí mà Công ty phải trả vượt quá 20% tổng tài sản của Công ty vào cuối năm tài chính gần nhất;
- (f) việc Công ty tham gia vào bất kỳ Giao dịch với bên có liên quan nào, bao gồm nhưng không giới hạn khoản vay, thỏa thuận bán hoặc mua tài sản, thỏa thuận bán hoặc mua các Cổ phần trong Công ty, bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh khác, hoặc bất kỳ dàn xếp thương mại nào khác. Việc chuyển nhượng các Cổ phần của Công ty giữa bất kỳ Cổ đông nào và các bên thứ ba, ngoại trừ Công ty, sẽ không được xem là một Giao dịch với bên có liên quan theo mục đích của Điều khoản này;
- (g) bất kỳ sửa đổi nào của Điều lệ này;

- (b) quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Báo cáo Tài chính Thường Niên;
- (c) quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty;
- (d) quyết định mua lại hơn 10% tổng số Cổ phần đã phát hành của từng loại;
- (e) quyết định phê chuẩn tổng số tiền mặt và Cổ phần phát hành cho nhân viên trong các quỹ thưởng nhân viên;
- (f) quyết định các loại Cổ phiếu mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phiếu, và số lượng Cổ phiếu được phát hành đối với mỗi loại, bao gồm các chương trình thưởng Cổ phần, mua Cổ phần hoặc quyền chọn mua Cổ phần dành cho nhân viên;
- (g) quyết định phát hành Quyền Chọn bán cho các Cổ phần;
- (h) quyết định phát hành Quyền Chọn mua cho các Cổ phần;
- (i) quyết định việc Công ty mua cổ phần hoặc các chứng khoán khác, cổ phiếu hoặc trái phiếu từ các công ty khác hoặc việc Công ty đầu tư vào việc sở hữu bất động sản;
- (j) bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
- (k) xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;
- (l) quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bất kỳ việc bán, chuyển nhượng, cho thuê hoặc định đoạt tài sản hoặc bất động sản, hoặc nhóm tài sản, của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 tháng nào (nếu có) mà giá thị trường công bằng hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của Công ty vào thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất;
- (m) quyết định tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty; quyết định việc Công ty nộp đơn xin thanh lý, xin chịu sự quản lý về tài sản hoặc tổ chức lại theo luật phá sản hoặc thực hiện bất kỳ hành động tương tự nào;
- (n) quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này;
- (o) quyết định các quy chế quản lý nội bộ thích hợp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị với điều kiện là sẽ không có bất kỳ một quy chế quản lý nội bộ nào ràng buộc một Cổ đông Chiến lược mà có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Công ty hay đến giá trị của các Cổ phần do Cổ đông Chiến lược đó nắm giữ, hoặc hạn chế, dưới bất kỳ hình thức nào, khả năng xử lý Cổ phần của Cổ đông Chiến lược đó;
- (p) bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- (q) quyết định số lượng Đại diện theo Ủy quyền để hành động nhân danh Công ty trong bất kỳ Công ty Con nào của Công ty, quyết định quyền hạn và trách nhiệm của các Đại diện theo Ủy quyền này, và chỉ định và thay thế các Đại diện theo Ủy quyền này;
- (r) chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào của Công ty trong các Công ty Con;
- (s) thay đổi chế độ kế toán áp dụng;

- (t) chấp thuận một Cổ đông là Cổ đông Chiến lược; và
- (u) các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

22. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

22.1 Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một (1) lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, với điều kiện Cuộc Họp Thường niên không được tổ chức vào khoảng thời gian hai (2) tháng sau khi kết thúc năm tài chính và muộn hơn bốn (4) tháng sau khi kết thúc năm tài chính trừ khi được Hội đồng Quản trị gia hạn nhưng không vượt quá sáu tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị lập chương trình và nội dung cuộc họp. Nội dung cuộc họp sẽ được gửi đính kèm theo thông báo họp.

22.2 Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập bằng thông báo theo yêu cầu của:

- (a) Hội đồng Quản trị thông qua biểu quyết chấp thuận của đa số các Thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
- (b) một Cổ đông; hoặc
- (c) Ban Kiểm soát;

trong trường hợp Hội đồng Quản trị bị phát hiện vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình. Cá nhân hoặc tổ chức yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường phải nêu các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường trong yêu cầu của mình.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có thể từ chối yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường của một Cổ đông trong trường hợp vấn đề do Cổ đông đó đưa ra đã được nêu và biểu quyết trong một cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành không quá mười hai (12) tháng trước đó, hoặc được Hội đồng Quản trị nhất trí xác định là không cần thiết đối với Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị phải tiến hành triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường trong trường hợp một Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông cùng nắm giữ ít nhất 10% Cổ phiếu của Công ty trong ít nhất sáu (6) tháng liên tục yêu cầu triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông.

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được triệu tập theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 19.3 khi có việc từ chức, sa thải hoặc thu hồi việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.

22.3 Đại Hội đồng Cổ đông phải được triệu tập bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng văn bản thông báo gửi đến từng Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Thông báo phải được lập thành văn bản và quy định rõ thời gian và địa điểm tiến hành Đại hội đồng, chương trình dự kiến và kèm theo tất cả các tài liệu cần thiết cho việc thảo luận trong Đại hội.

22.4 Việc vì lý do khách quan không gửi được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại Hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký một cách đúng đắn nếu có những sự thắc mắc,

Signature

khiếu nại của Cổ đông không tham dự. Ngoài ra, nếu Đại Hội đồng Cổ đông bị hoãn lại vì không đủ số Cổ đông tham dự tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng bằng mọi nỗ lực để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự thông báo đến Cổ đông việc hoãn Đại Hội đồng Cổ đông và thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.

22.5 Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất là năm (5) tháng sau ngày ghi trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cấp lần đầu.

22.6 Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, một Thành viên Hội đồng Quản trị được Hội đồng Quản trị chỉ định, sẽ chủ tọa phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông, nhưng nếu cả Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị được chỉ định thay thế (nếu có) đều không có mặt trong vòng mười lăm phút sau khi Đại Hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận và nếu chỉ có duy nhất một Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Nếu không thành viên nào trong Hội đồng Quản trị sẵn sàng làm chủ tọa, hoặc không thành viên nào trong Hội đồng Quản trị có mặt trong vòng ba mươi phút sau khi Đại Hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các Cổ đông hiện diện tại cuộc họp có quyền bỏ phiếu chọn một người trong số họ làm chủ tọa.

22.7 Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Cổ đông có thể tham dự Đại Hội đồng Cổ đông bằng điện thoại với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, không kể đến Điều 25.3, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

22.8 Thành viên Hội đồng Quản trị, cho dù người này không là Cổ đông, đều có quyền tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

23. SỐ ĐẠI BIỂU DỰ HỌP TỐI THIỂU CẦN CÓ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

23.1 Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

23.2 Nếu không đủ số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Đại Hội đồng Cổ đông hiện diện trong vòng một giờ đồng hồ sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại Hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại sang cùng ngày giờ vào tuần sau tại cùng địa điểm, và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) trên tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.

23.3 Nếu không có đủ số đại biểu dự họp tối thiểu phải có trong phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông đã được hoãn lại như được nêu trong Điều 23.2 trong vòng nửa giờ sau giờ họp dự kiến, hoặc nếu trong quá trình họp số đại biểu có mặt giảm hơn số đại biểu tối thiểu phải có trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông, Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại lần thứ hai sang cùng ngày, giờ sau một tuần tại cùng địa điểm và số đại biểu tham dự tối thiểu trong phiên họp hoãn lại lần thứ hai này sẽ giảm xuống chỉ cần một Cổ đông.

24. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

24.1 Bất kỳ Cổ đông nào cũng có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung nội dung chương trình họp của Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (3) ngày trước ngày của phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc (các) Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký, và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể từ chối bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung nào đối với chương trình họp trừ khi thay đổi, bổ sung đó được đề nghị bởi một Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông cùng nắm giữ ít nhất mười phần trăm (10%) Cổ phiếu của Công ty trong ít nhất sáu (6) tháng liên tục.

24.2 Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong một trong các trường hợp sau đây:

- (a) Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn quy định tại Điều 24.1 hoặc không đáp ứng đủ các thông tin quy định tại Điều 24.1; hoặc
- (b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông; hoặc
- (c) Vấn đề nêu trong kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung nếu được xem là vấn đề chủ yếu để yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường thì kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung này có thể bị bác bỏ căn cứ theo Điều 22.2.

25. NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

25.1 Đại Hội đồng Cổ đông sẽ quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh bằng nghị quyết. Ngoại trừ những trường hợp nêu tại Điều 25.2, một nghị quyết sẽ được thông qua nếu được chấp thuận bởi Đa số Phiếu trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự trong trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết tại phiên họp.

25.2 Đối với bất kỳ vấn đề nào được liệt kê tại: Điều 21.3(f), 21.3(g), 21.3(h), 21.3(i), 21.3(j), 21.3(k), 21.3(l), 21.3(m), 21.3(n), 21.3(o), 21.3(p), 21.3(q), 21.3(t) và Điều 19.4; một nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được chấp thuận bởi Đại đa số Phiếu trên toàn bộ số phiếu biểu quyết. Các vấn đề khác sẽ được thông qua với Đa số Phiếu trên toàn bộ số phiếu biểu quyết.

25.3 Cổ đông có mặt hoặc người đại diện được ủy quyền của họ sẽ bỏ phiếu để phê chuẩn các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Khi bỏ phiếu, mỗi Cổ đông sẽ có một phiếu cho mỗi Cổ phần đang nắm giữ. Kết quả bỏ phiếu sẽ được xem là nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

25.4 Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần, bất cứ người nào trong số họ hoặc người đại diện được họ ủy quyền cũng có thể bỏ phiếu trong mọi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông như là chủ sở hữu duy nhất của Cổ phần, nhưng nếu có nhiều hơn một Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đồng sở hữu Cổ phần cùng có mặt tại một cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông đồng sở hữu có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký Cổ đông sẽ có quyền bỏ phiếu thay mặt cho những Cổ đông khác.

25.5 Nghị quyết Bằng Văn bản Thông qua Không Cần Họp Đại Hội đồng Cổ đông

- (a) Phụ thuộc vào Điều 19.4, mọi quyết định có thể được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua mà không cần tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông nếu các Cổ đông nắm giữ bảy mươi

lăm phần trăm (75%) trên tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty phê chuẩn quyết định này bằng văn bản. Văn bản phê chuẩn này sẽ có hiệu lực tương đương với phiếu bầu tại Đại Hội đồng Cổ đông. Văn bản phê chuẩn này cũng có thể bao gồm một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Cổ đông. Cụm từ “bằng văn bản” ở đây bao gồm sự phê chuẩn bằng bản fax, với văn bản gốc sẽ phải được gửi ngay sau đó. Bản gốc này phải được Công ty lưu trữ và sẵn sàng cung cấp cho Cổ đông kiểm tra.

- (b) Thủ tục phê chuẩn các nghị quyết dưới dạng văn bản không cần tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được quyết định bởi Hội đồng Quản trị.

25.6 Thông tin về các Nghị quyết

- (a) Các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi chép biên bản theo yêu cầu của Pháp luật. Biên bản phải được Công Ty lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại Trụ sở Chính và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.
- (b) Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông và Ban Giám đốc chậm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra nghị quyết.

25.7 Huỷ bỏ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua, Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ nghị quyết trong các trường hợp sau:

- (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông không theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này trừ khi nghị quyết được thông qua bởi một trăm phần trăm (100%) số phiếu biểu quyết; hoặc
- (b) Nội dung Nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật và/hoặc Điều lệ này.

26. NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN

26.1 Mỗi Cổ đông có quyền chỉ định một người đại diện cho quyền lợi của mình. Việc chỉ định hoặc huỷ bỏ người đại diện ủy quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị, và sẽ có hiệu lực khi Hội đồng Quản trị nhận được văn bản này. Văn bản chỉ định người đại diện ủy quyền không nhất thiết phải tuân thủ theo một mẫu nhất định nào, miễn là nội dung của văn bản được trình bày rõ ràng. Người Đại diện ủy quyền được Cổ đông chỉ định không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác, và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được ủy quyền theo văn bản chỉ định đại diện ủy quyền. Người đại diện ủy quyền không nhất thiết phải là một Cổ đông.

26.2 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông và phát hành giấy mời bổ nhiệm người đại diện ủy quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông; và những mẫu này phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc chỉ định người đại diện ủy quyền không loại trừ việc Cổ đông có thể tham dự và tham gia bỏ phiếu tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

27. SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

27.1 Trừ khi có quyết định khác từ Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ gồm có ít nhất ba (3) Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông bổ nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và theo quy định của Điều lệ này.

27.2 Bất kỳ Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 19.2 sẽ có quyền bổ nhiệm các Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 19.2(a) với điều kiện là một Cổ đông Chiến lược sở hữu hơn 10% tổng số Cổ phần đã phát hành của Công ty sẽ có quyền bổ nhiệm tối thiểu một (1) Thành viên Hội đồng Quản trị và sa thải hoặc thay thế mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị mà mình bổ nhiệm.

28. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

28.1 Ngoài những quyền hạn và nghĩa vụ quy định cụ thể dưới đây hoặc quy định bởi Pháp luật đối với Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị sẽ có quyền và trách nhiệm quản lý tất cả các hoạt động chính của Công ty, và sẽ quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty, kể cả các vấn đề xác định trong Điều 28.2.

28.2 Không giới hạn bởi những quy định chung nêu trên, Hội đồng Quản trị còn có các quyền và trách nhiệm sau:

- (a) phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược của Công ty, các kế hoạch hành động chính yếu, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm, và xác lập các mục tiêu hiệu quả hoạt động theo Điều 28.2(b);
- (b) xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển dài và trung hạn của Công ty để đệ trình lên Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- (c) đề xuất các loại Cổ phiếu mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu tiên, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phiếu, và số lượng Cổ phiếu được phát hành đối với mỗi loại để Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn;
- (d) quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến các cơ quan, đơn vị hoặc phòng ban của Công ty đã được quy định trong Điều lệ này;
- (e) phụ thuộc vào Điều 21.3(I), quyết định việc ký kết bất kỳ một hoặc một nhóm hợp đồng liên quan mà giá trị cộng dồn của (các) hợp đồng đó trong một năm tài chính có trị giá hoặc có khả năng dẫn đến chi phí mà Công ty phải trả vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty vào thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất;
- (f) đề nghị và tư vấn các quy chế quản lý nội bộ thích hợp;
- (g) quyết định thành lập các công ty con, chi nhánh (ngoại trừ việc thành lập các cửa hàng bán lẻ tại Việt Nam sẽ được quyết định bởi Tổng giám đốc) và văn phòng đại diện Công ty trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng như đầu tư vào các công ty khác phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn;
- (h) xem xét và đệ trình các Báo cáo Tài chính Thường niên lên Đại Hội đồng Cổ đông để được phê chuẩn;

- (i) kiến nghị lên Đại Hội đồng Cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời gian và phương thức chi trả cổ tức; và quyết định về phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- (j) kiến nghị lên Đại Hội đồng Cổ đông các vấn đề về tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
- (k) bổ nhiệm, quyết định mức lương, giám sát, và trong trường hợp cần thiết, bãi nhiệm và thay thế các Thành viên Ban Điều hành và giám sát kế hoạch thay thế nhân sự mà Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền một phần hoặc toàn bộ cho Tổng Giám đốc thực hiện;
- (l) đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kể cả kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập, đặc biệt là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính, và giám sát sự tuân thủ theo quy định của Pháp luật;
- (m) quyết định mọi việc đăng ký mua, chuyển nhượng, hoặc giao dịch khác liên quan đến, các Cổ phần dẫn đến việc số lượng Cổ đông vượt quá một trăm (100) người; vì mục đích của Điều khoản này, Hội đồng Quản trị phải bảo đảm rằng không có bất kỳ giao dịch đăng ký mua, chuyển nhượng hoặc giao dịch nào khác được đăng ký vào Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh trừ khi và cho đến khi Hội đồng Quản trị có quyết định khác đi;
- (n) kiểm tra, giám sát và đưa chỉ dẫn hàng ngày cho bất kì Đại diện theo Ủy quyền nào phù hợp với các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông; và
- (o) có các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo như quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, cũng như những quyền hạn và nghĩa vụ khác được Pháp luật quy định.

29. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

29.1 Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải chứng minh rằng mình đáp ứng được những điều kiện sau:

- (a) Trừ trường hợp là Cổ đông hoặc nắm giữ các chức danh quản lý trong công ty trực thuộc hoặc trừ trường hợp được sự chấp thuận khác đi của Đại Hội đồng Cổ đông, không đồng thời là:
 - (i) thành viên hội đồng quản trị của bất cứ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ Công ty Con của Công ty;
 - (ii) cán bộ điều hành của bất cứ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ Công ty Con của Công ty;
 - (iii) là bên có lợi ích thụ hưởng từ bất kỳ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ Công ty Con của Công ty; hoặc
 - (iv) Người Có Liên quan của những người quy định từ đoạn (i) đến đoạn (iii) kể trên,
- (b) Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty hoặc người khác hội đủ những năng lực chuyên môn hoặc kỹ năng cần thiết để thực thi các chức năng

của một Thành viên Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức và điều hành Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;

- (c) Có sức khỏe và đạo đức tốt;
- (d) Không có tiền án tiền sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và
- (e) Các điều kiện khác do Đại Hội đồng Cổ đông quy định đối với Thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm.

29.2 Một Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu:

- (a) thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong điều 29.1 hoặc bị Pháp luật cấm không cho phép giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị;
- (b) thành viên này bị phá sản;
- (c) thành viên này bị hoặc có khả năng bị rối loạn thần kinh;
- (d) thành viên này gửi thông báo từ chức đến Công ty; hoặc
- (e) thành viên này liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục mà không được phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị quyết định thành viên đó bị bãi nhiệm.

29.3 Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được hoàn lại các chi phí hợp lý phát sinh từ việc tham dự họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông bao gồm tiền đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác nhưng sẽ không được hưởng lương trừ trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đồng thời là Thành viên Ban Điều hành hoặc là một nhân viên trong Công ty.

29.4 Không một Thành viên Hội đồng Quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc trong nghị quyết của Hội đồng Quản trị được triệu tập và thông qua một cách hợp lệ hoặc trong văn bản nghị quyết theo quy định tại Điều 35.

29.5 Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ tất cả các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.

29.6 Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty, và không được thực hiện bất kỳ hành động nào dẫn đến việc Công ty vi phạm Pháp luật.

29.7 Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ cung cấp thông tin đúng lúc và đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại Điều 45.2(k).

30. NHIỆM KỲ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

30.1 Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ năm (5) năm và có thể được Đại Hội đồng Cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ liên tiếp.

30.2 Nếu trong Hội đồng Quản trị có chỗ khuyết, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bổ nhiệm thành viên thay thế trong nhiệm kỳ của thành viên còn khuyết theo quy định tại Điều 19.2(a) và 27.2.

31. CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

31.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra theo quy định tại điều 21.3(o).

31.2 Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên làm Phó Chủ tịch và có thể bãi nhiệm hoặc thay thế chức vụ Phó Chủ tịch theo quy định tại Điều 34.

31.3 Trừ trường hợp không muốn đảm nhận, thành viên Hội đồng Quản trị được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ tọa tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị khi người này có mặt. Nhưng nếu không có Chủ tịch, hoặc Chủ tịch không muốn chủ tọa, hoặc Chủ tịch không có mặt trong vòng mười lăm (15) phút sau khi cuộc họp dự kiến bắt đầu, Phó Chủ tịch sẽ làm chủ tọa, hoặc nếu Phó Chủ tịch cũng không có mặt trong vòng mười lăm (15) phút sau khi dự kiến bắt đầu họp, các Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt sẽ bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp.

31.4 Chủ tịch và Phó Chủ tịch có thể đồng thời là Thành viên Ban Điều hành.

31.5 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có những quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ này và quy định bởi Pháp luật.

32. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

32.1 Các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu một lần và cuộc họp phải do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa. Chủ tịch có thể triệu tập các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo yêu cầu của (i) Ban Kiểm soát; hoặc (ii) Tổng Giám đốc; (iii) ít nhất hai (2) Thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc (iv) một Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

32.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo triệu tập các Cuộc họp Hội đồng Quản trị đến mỗi Thành viên chậm nhất bảy (7) ngày làm việc trước ngày họp; tuy nhiên bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào cũng có thể đồng ý miễn nhận thông báo mời họp và việc đồng ý miễn nhận thông báo này cũng có thể áp dụng cho những cuộc họp đã diễn ra trước đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải nêu rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp, và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Chương trình họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ do Người yêu cầu triệu tập Cuộc họp Hội đồng Quản trị cung cấp.

32.3 Khi được yêu cầu, các Thành viên Ban Điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị tất cả các thông tin và/hoặc tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty và liên quan đến Cuộc họp Hội đồng Quản trị.

32.4 Cuộc họp Hội đồng Quản trị lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất bảy (7) ngày sau khi kết thúc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

32.5 Thông thường các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại Trụ sở Chính nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm.

32.6 Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi Thành viên này có thể nghe rõ các Thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các Thành viên có mặt cũng nghe rõ Thành viên này

nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.

32.7 Nếu một Thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị, thành viên này có thể bổ nhiệm một người đại diện cho mình bằng văn bản (có thể là một Thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc không phải) để tham dự họp và đại diện cho mình trong cuộc họp với điều kiện là việc ủy quyền đó phải được đa số Thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một Cuộc họp Hội đồng Quản trị nhất định hoặc bất kỳ Cuộc họp Hội đồng Quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của Thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Trụ sở Chính của Công ty trước khi bắt đầu Cuộc họp Hội đồng Quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu tương ứng với mỗi Thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một Thành viên trong Hội đồng Quản trị.

32.8 Trong trường hợp cần thiết, các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể cho phép người khác tham dự cuộc họp để phiên dịch, cố vấn, và hỗ trợ tư vấn tại các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản thông báo trước ba (3) ngày trước ngày diễn ra cuộc họp với điều kiện là những người đó phải cam kết tuân theo những yêu cầu bảo mật và phải được các thành viên khác của Hội đồng Quản trị chấp nhận.

33. SỐ THÀNH VIÊN TỐI THIỂU CẦN CÓ TẠI MỖI CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số thành viên tham dự tối thiểu cần thiết để tiến hành họp Hội đồng Quản trị là 3/4 tổng số thành viên đương nhiệm hiện diện hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự.

34. BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

34.1 Trong mỗi Cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi Thành viên sẽ có một phiếu bầu. Phụ thuộc vào Điều 19.4, các vấn đề đặt ra trong cuộc họp sẽ được quyết định bởi đa số phiếu của các Thành viên tham dự (hiện diện hoặc có đại diện thay thế). Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, phiếu bầu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ quyết định.

34.2 Thành viên Hội đồng Quản trị không được bỏ phiếu về các Giao dịch với Bên liên quan mà Thành viên đó hoặc bất kỳ Người Có Liên quan nào mà Thành viên này có lợi ích.

35. NGHỊ QUYẾT BẰNG VĂN BẢN THÔNG QUA KHÔNG CẦN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo yêu cầu của bất kỳ một Thành viên nào, Hội đồng Quản trị có thể thông qua bất kỳ quyết định nào mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như nhận được văn bản chấp thuận của số Thành viên Hội đồng Quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp triệu tập cuộc họp theo đúng thể thức và phù hợp với Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của Thành viên Hội đồng Quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị. Phụ thuộc vào Điều 19.4, các vấn đề sẽ được quyết định bởi đa số phiếu của Các Thành viên Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng văn bản. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị kiểm tra.

36. BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt, và trong trường hợp cần thiết theo sự xem xét của Hội đồng Quản trị, phải được dịch sang tiếng Anh. Tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị hiện diện tại Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải ký tên vào biên bản. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ Biên bản. Sổ Biên bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị kiểm tra.

MỤC 3. BAN GIÁM ĐỐC

37. HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ có một Tổng Giám đốc, các thành viên khác trong Ban Điều hành và một số cán bộ quản lý, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

38. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

38.1 Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm và Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác do Hội đồng Quản trị quyết định. Tổng Giám đốc phải thường trú tại Việt Nam. Nếu Tổng Giám đốc vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

38.2 Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các vấn đề có liên quan đến hoạt động và quản lý công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện Công ty trước tòa án và các Cơ quan Nhà Nước cũng như thay mặt Công ty thực hiện bất kỳ và tất cả các hợp đồng với bên thứ ba. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các quyết định của Hội đồng Quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

38.3 Các Phó Tổng Giám đốc sẽ báo cáo cho Tổng Giám đốc, phối hợp và hỗ trợ Tổng Giám đốc.

38.4 Hội đồng Quản trị sẽ xác định trách nhiệm tương ứng của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và giao cho họ một số quyền hạn và thẩm quyền mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

38.5 Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

- (a) tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại Hội đồng Cổ đông;
- (b) điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định;
- (c) giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung;

ap

- (d) đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;
- (e) ký kết và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông;
- (f) ký và thực hiện các hợp đồng tuyển dụng và khen thưởng, kỷ luật, và sa thải Thành viên Ban Điều hành, trừ bản thân Tổng Giám đốc, nhân viên và công nhân của Công ty và xác định các quyền và nghĩa vụ tương ứng của họ;
- (g) quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
- (h) giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị;
- (i) thay mặt Công ty thanh toán và nhận các khoản tiền mặt, viết và nhận séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả các vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;
- (j) thực thi các quyền và nghĩa vụ khác (A) không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị hoặc (B) được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng nghị quyết và nói chung thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị; và
- (k) phân cấp, ủy nhiệm, ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các trưởng phòng trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Người được ủy nhiệm, ủy quyền hay được phân cấp phải làm đúng các công việc được giao và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các phần việc đó. Tuy nhiên Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước Hội đồng Quản trị.

38.6 Tổng Giám đốc có thể từ nhiệm vào bất kỳ thời điểm nào với điều kiện là Tổng Giám đốc phải gửi thông báo cho Công ty theo các quy định nêu tại hợp đồng lao động đã ký với Công ty.

38.7 Tổng Giám đốc có thể bị sa thải và thay thế vào bất kỳ thời điểm nào bởi Hội đồng Quản trị, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty.

38.8 Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc có quyền quyết định sau cùng trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

38.9 Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.

38.10 Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc sẽ cung cấp đúng lúc và đầy đủ thông tin cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại Điều 45.2(k).

39. ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

39.1 Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bổ nhiệm một hoặc một số người làm Đại diện theo Ủy quyền trong các Công ty Con của Công ty. Đại diện theo Ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một cổ đông của các Công ty Con của Công ty nhân danh Công ty phù hợp với Điều lệ này, các Điều lệ của Công ty Con và Luật.

39.2 Đại diện theo Ủy quyền phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; và
- (c) có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong các công việc kinh doanh chính của Công ty.

39.3 Đại diện theo Ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ phù hợp với các chỉ dẫn của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều lệ này và Luật. Đại diện theo Ủy quyền phải xin được chấp thuận trước bằng văn bản của Đại Hội đồng Cổ đông với Đại Đa số phiếu thông qua đối với từng vấn đề nêu tại Điều 19.4 như thể bất kỳ dẫn chiếu nào tại Điều 19.4 (cho dù là cụ thể hay ngụ ý) đến Công ty đều được hiểu là dẫn chiếu đến Công ty Con có liên quan trước khi thực hiện quyền của họ nhân danh Công ty.

39.4 Đại diện theo Ủy quyền phải đạt được chấp thuận trước của Hội đồng Quản trị về tất cả các vấn đề ngoài khoản 39.3 trước khi thực hiện quyền biểu quyết nhân danh Công ty.

39.5 Đại diện theo Ủy quyền có nghĩa vụ tham dự tất cả các cuộc họp quản lý của Công ty Con liên quan, để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Công ty Con một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm mục đích bảo vệ tốt nhất các lợi ích hợp pháp của Công ty và Công ty Con.

39.6 Mỗi Đại diện theo Ủy quyền, sẽ tùy từng thời điểm hành động trong tinh thần thiện chí, và thực hiện các nghĩa vụ của họ nhân danh Công ty, cho lợi ích tốt nhất của Công ty, và không thực hiện những hành động dẫn đến kết quả là Công ty vi phạm Pháp luật.

39.7 Quyền biểu quyết của Đại diện theo Ủy quyền trong Công ty Con liên quan sẽ được phân chia theo phần trăm Vốn Điều lệ do Công ty nắm giữ trong Công ty Con này. Trong trường hợp, Đại Hội đồng Cổ đông chỉ định nhiều hơn một Đại diện theo Ủy quyền, quyền biểu quyết của mỗi Đại diện theo Ủy quyền sẽ được quyết định bởi Đại Hội đồng Cổ đông.

39.8 Không có bất kì Đại diện theo Ủy quyền nào có quyền cam đoan, hoặc đưa ra bất kì bảo đảm thực hiện bất kì thỏa thuận nào nhân danh Công ty hoặc ràng buộc Công ty dưới bất kì hình thức nào trừ trường hợp được quy định cụ thể tại đây hoặc bằng nghị quyết của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ hoặc nghị quyết bằng văn bản phù hợp với Điều lệ này.

40. KHÔNG KIÊM NHIỆM

Trừ trường hợp kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty Con hoặc trừ trường hợp được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phê chuẩn và được Pháp luật cho phép, Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban Điều hành khác không được đồng thời giữ chức vụ tổng giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý khác hay là nhân viên của bất kỳ một tổ chức kinh tế nào khác tại Việt Nam. Không một nhân viên nào của Công ty, kể cả Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban

Điều hành khác của Công ty, được tham gia hoặc làm việc cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng Quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

MỤC 4. CÁC GIAO DỊCH

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên có liên quan chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) phụ thuộc vào Điều 19.4, cần được sự phê chuẩn của Đại Hội đồng Cổ đông với Đại Đa số phiếu đồng ý đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc được sự phê chuẩn của Hội đồng Quản trị đối với giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất;
- (b) tất cả các Giao dịch với bên có liên quan phải dựa trên cơ sở giao dịch khách quan cùng có lợi (arms-length basis), trừ trường hợp được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn với Đại đa số phiếu đồng ý; và
- (c) Công ty thực hiện các thủ tục thông qua Giao dịch với Bên Có Liên quan đúng theo quy định của Pháp luật.

42. QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI THỤ HƯỞNG

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có quan hệ với hoặc một cách nào đó có lợi ích thụ hưởng từ bất kỳ Người nào tham gia Giao dịch với Bên có liên quan với Công ty, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch với Bên có liên quan này tại Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trong cuộc họp Hội đồng Quản trị.

43. CÔNG KHAI CÁC XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát và các Cổ đông phải công khai với Hội đồng Quản trị cách thức và phạm vi mà các quyền lợi cá nhân đáng kể của họ có thể ảnh hưởng đến ý kiến của họ về bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào của Công ty mà họ sẽ phải bỏ phiếu biểu quyết. Quyền lợi đáng kể được nêu trong Điều 43 này có nghĩa là bất kỳ giao dịch nào có liên quan đến Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc Cổ đông, hoặc những Người Có Liên Quan với những người này, mà giá trị của giao dịch đó có thể vượt quá một trăm triệu (100.000.000) đồng.

44. KHÔNG TUÂN THỦ QUY ĐỊNH

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của các Điều 42, 43 và 44 sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất, trách nhiệm, nghĩa vụ, phí tổn và chi phí gây ra cho Công ty, và trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà Người đó nhận được từ Giao dịch với Bên có liên quan tương ứng.

MỤC 5. BAN KIỂM SOÁT

45. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

45.1 Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại Hội đồng Cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Điều hành và sẽ báo cáo với Đại Hội đồng Cổ đông.

af

45.2 Ban Kiểm soát sẽ có các quyền hạn và trách nhiệm được quy định theo Pháp luật và theo Điều lệ này hoặc, trong một số trường hợp, theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông vào từng thời điểm. Ngoài những quy định trên, Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) kiểm tra (1) việc Hội đồng Quản trị tuân thủ Pháp luật, các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, (2) việc Thành viên Ban Điều hành tuân thủ Pháp luật, các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và/hoặc của Hội đồng Quản trị, và (3) hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Điều hành;
- (b) đảm bảo quy trình bầu cử Hội đồng Quản trị được minh bạch và đúng thủ tục;
- (c) điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của nhóm các Cổ đông nắm giữ tổng cộng từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty trở lên;
- (d) thẩm tra tính chính xác và hợp pháp của công tác kế toán, bao gồm việc soạn thảo các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;
- (e) thẩm định các Báo cáo Tài chính;
- (f) xem xét, kiểm tra và đánh giá hiệu quả và hiệu suất của các hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- (g) giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn đầu tư quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu cho hoặc phát sinh liên quan đến Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị và các Thành viên Ban Điều hành;
- (h) giám sát những xung đột quyền lợi tiềm ẩn của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, và các Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ phần trở lên, kể cả việc sử dụng sai tài sản Công ty hoặc lạm dụng quyền hạn trong các Giao dịch Với Bên Có Liên quan;
- (i) giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;
- (j) giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;
- (k) yêu cầu Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, và hoạt động của Công ty;
- (l) điều đặn thông báo cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty và, khi có yêu cầu hợp lý của Hội đồng Quản trị, cung cấp cho Hội đồng Quản trị thông tin liên quan đến Ban Kiểm soát;
- (m) tham gia, và thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các ban khác của Công ty theo yêu cầu của tổ chức nội bộ có liên quan; và
- (n) đề xuất những điều chỉnh, thay đổi, và cải tiến cần thiết trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, và trong hoạt động của Công ty.

46. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

46.1 Ban Kiểm soát sẽ có ít nhất ba (3) thành viên do Đại Hội đồng Cổ đông bổ nhiệm, và bãi nhiệm bằng cách biểu quyết với Đại Đa số phiếu đồng ý. Ban Kiểm Soát sẽ có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán. Bất kỳ Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nào được đề cập đến tại Điều 19.2 sẽ có quyền bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Điều 19.2(b) với điều kiện là một Cổ đông Chiến lược sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần đã phát hành của Công ty sẽ có quyền bổ nhiệm một (1) thành viên Ban Kiểm soát cũng như bãi nhiệm và thay thế thành viên đó.

46.2 Thành viên Ban Kiểm soát sẽ có nhiệm kỳ năm năm, và nhiệm kỳ này có thể kéo dài (i) nếu điều này là cần thiết để Ban Kiểm soát kết thúc các nghĩa vụ dở dang, hoặc (ii) cho đến khi việc bổ nhiệm các thành viên mới trong Ban Kiểm soát có hiệu lực, tùy theo việc nào xảy ra trước.

46.3 Thành viên Ban Kiểm soát không được là Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, hoặc bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn có thể do Pháp luật hoặc Đại Hội đồng Cổ đông quy định vào từng thời điểm.

46.4 Các điều khoản và các điều kiện nêu trong hợp đồng tuyển dụng của thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định, và hợp đồng tuyển dụng phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Công ty ký tên.

46.5 Thành viên Ban Kiểm soát khi muốn từ nhiệm, từ chức phải làm đơn trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và quyết định. Khi được chấp thuận phải tổ chức bàn giao công việc cho người thay thế.

47. NGHĨA VỤ CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỦ CHỐT

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành và thành viên Ban Kiểm soát phải:

- (a) thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn và cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- (b) không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- (c) thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và/hoặc Người Có Liên quan của mình sở hữu hoặc có góp vốn hoặc nắm cổ phần chi phối; thông báo này phải được niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty;
- (d) nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác đến hạn phải trả, họ phải:
 - (i) thông báo cho tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết theo yêu cầu của Pháp luật;
 - (ii) không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các Thành viên Ban Điều hành của Công ty;
 - (iii) kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và

- (iv) thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

48. TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN CÁC CHI PHÍ

48.1 Miễn Trách nhiệm Cá nhân

Không một Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc Thành viên Ban Điều hành nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.

48.2 Trách nhiệm Thanh toán Các Chi phí

Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc Thành viên Ban Điều hành hành động với thiện chí sẽ được Công ty dùng tài sản của mình bồi thường cho các nghĩa vụ tài chính mà người đó phải chịu khi phải ra hầu tòa trong các vụ kiện có liên quan đến các công việc của Công ty, cho dù là vụ kiện dân sự hoặc hình sự, mà tại phiên tòa đó:

- (a) phán quyết tòa án đứng về phía người đó;
- (b) người đó được tha bổng; hoặc
- (c) tòa giảm nhẹ tội trạng của người đó khỏi các trách nhiệm liên quan đến sự không cẩn trọng, mất khả năng thanh toán, vi phạm trách nhiệm hoặc làm mất sự tin cậy.

49. CON DẤU

49.1 Bảo quản Con Dấu

Con dấu sẽ được làm và bảo quản theo Pháp luật.

49.2 Giữ Con Dấu

Tổng Giám đốc hay người được Tổng Giám đốc ủy quyền có trách nhiệm giữ con dấu và đảm bảo sử dụng con dấu một cách phù hợp theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG IV HỆ THỐNG QUẢN LÝ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

50. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền đồng Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị, và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài ngoài lãnh thổ Việt Nam.

51. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

51.1 Hệ thống Kế toán

Sổ sách kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Nếu được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ áp dụng Chuẩn Mực Kế Toán Quốc Tế ("IAS"). Trong trường hợp ngược lại, Công ty sẽ áp dụng Chuẩn mực Kế Toán Việt



212

Nam ("VAS"). Tuy nhiên, đối với các báo tài chính đệ trình cho Cổ đông và Hội đồng Quản trị, dù VAS có thể không yêu cầu, Công ty sẽ phải công bố các thông tin sau:

- (a) Báo cáo Tài chính tổng hợp;
- (b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (c) Các khoản công nợ ngoài bảng tổng kết tài sản và các khoản công nợ tiềm tàng; và
- (d) Chi tiết các Giao dịch với Bên Có Liên quan.

51.2 Năm Tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

51.3 Tài khoản và Chứng từ

- (a) Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng Việt Nam. Các sổ sách và tài khoản có thể được chuyển đổi sang Đôla Mỹ nếu Hội đồng Quản trị yêu cầu.
- (b) Tất cả các chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính quan trọng phải được Tổng Giám đốc và Kế Toán trưởng phê chuẩn và ký tên.
- (c) Sau khi kết thúc mỗi tháng dương lịch, Công ty phải lập báo cáo quản trị hàng tháng nêu những thông tin hữu ích về tình hình tài chính của Công ty trong tháng trước đó, nội dung của báo cáo sẽ nêu khả năng sinh lợi của các đơn vị và/hoặc sản phẩm khác nhau, xu hướng bán, xem xét/phân tích những thay đổi chính về hoạt động tài chính và lợi nhuận ròng sau thuế được hợp nhất. Công ty sẽ gửi các báo cáo quản trị hàng tháng cho các Cổ đông Chiến lược ngay khi có báo cáo nhưng trong mọi trường hợp chỉ trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi kết thúc mỗi tháng dương lịch.
- (d) Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo báo cáo tài chính, chưa hợp nhất và hợp nhất cho quý đó bao gồm bản cân đối kế toán, bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, có các chú giải, tất cả các bản này đều được soạn thảo theo VAS hoặc trong trường hợp VAS không rõ hoặc không hoàn chỉnh, thì được soạn thảo theo IAS miễn là không mâu thuẫn với VAS ("**Các Báo cáo Tài chính Hàng quý**"). Ngay khi có báo cáo nhưng trong mọi trường hợp chỉ trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc mỗi quý tài chính, Công ty phải gửi cho Hội đồng Quản trị và mỗi Cổ đông (i) một bản sao Báo cáo Tài chính Hàng quý; và (ii) một bản phân tích những phát triển đáng kể và các xu hướng giải thích những thay đổi lớn trong tình hình tài chính của Công ty trong quý gần nhất.
- (e) Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị các báo cáo tài chính tổng hợp và các báo cáo tài chính chưa tổng hợp: bảng cân đối kế toán, báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và các báo cáo tài chính hàng năm khác của năm tài chính liền ngay trước đó, cùng với các chú giải, được soạn thảo phù hợp với VAS, hoặc trong trường hợp VAS không rõ ràng hoặc không đầy đủ thì soạn thảo theo IAS miễn là không mâu thuẫn với VAS, để gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày

trước ngày khai mạc Cuộc họp Thường niên của Đại Hội đồng Cổ đông và trình lên Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật ("**Các Báo cáo Tài chính Thường niên**"). Ngay khi có báo cáo nhưng trong mọi trường hợp chỉ trong vòng 90 (chín mươi) ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải gửi cho Hội đồng Quản trị và mỗi Cổ đông (i) một bản sao Báo cáo Tài chính Thường niên; và (ii) thư quản lý và các văn bản liên lạc khác từ các công ty kiểm toán của Công ty nhận xét về, ngoài những vấn đề khác, tính đầy đủ của thủ tục kiểm soát tài chính, các hệ thống kế toán, hệ thống thông tin quản lý của Công ty.

- (f) Công ty sẽ chỉ định một Công ty Kiểm toán để tiến hành kiểm toán các Báo cáo Tài chính Thường niên và các báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm, và sau đó đệ trình báo cáo kiểm toán lên Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ đệ trình lên Đại Hội đồng Cổ đông và từng Thành viên Hội đồng Quản trị các Báo Cáo Tài chính Thường niên đã được kiểm toán trong vòng ba tháng sau khi kết thúc năm tài chính cùng với báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán. Hội đồng Quản trị sẽ lập một báo cáo trong đó nêu rõ ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị về mức độ phản ánh trung thực và hợp lý của các Báo cáo Tài chính Thường niên và báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và về kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó, đồng thời nêu nhận xét về tình hình và hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm đó. Chi phí thanh toán cho Công ty Kiểm toán được chỉ định và duy trì phù hợp theo quy định của Điều khoản này sẽ do Công ty chi trả.
- (g) Trong trường hợp các Công ty Kiểm toán từ chối trở thành công ty kiểm toán cho Công ty do các báo cáo tài chính này trình bày kém, hoặc có khả năng bị đưa ra ý kiến loại trừ, Công ty sẽ phải ngay lập tức thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện chất lượng của các báo cáo tài chính để Công ty Kiểm toán có thể thực hiện kiểm toán cho Công ty.
- (h) Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp Kiểm toán viên để thảo luận về các báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.
- (i) Mỗi Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông được đề cập đến tại Điều 19.2 có quyền chọn thuê công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính chưa hợp nhất và/hoặc hợp nhất của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào và với chi phí do Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông đó tự chi trả.
- (j) Các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát có quyền xem xét các tài khoản kế toán của công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.
- (k) Dựa trên thông báo hợp lý, Công ty sẽ cho phép Cổ đông Chiến lược hay bất cứ chuyên gia nào được Cổ đông Chiến lược chỉ định hoặc ủy quyền, được trao đổi về hoạt động kinh doanh, tài chính và kế toán của Công ty với các giám đốc, nhân viên điều hành, đại lý, kế toán viên, kiểm toán viên và luật sư của Công ty với điều kiện những người này phải cam kết bảo mật toàn bộ những thông tin và tài liệu mà họ có được trong quá trình trao đổi này; và khi được yêu cầu hợp lý, giao cho Cổ đông Chiến lược tất cả các tài liệu chứng minh có liên quan đến bất kỳ mục nào được đề cập tại Điều khoản này.
- (l) Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

52. CỔ TỨC

52.1 Công bố và Chi trả Cổ tức

- (a) Theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện (i) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng Quản trị đề nghị, (ii) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi rõ trong Báo cáo Tài chính Thường niên đã được kiểm toán, (iii) Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó, và (iv) Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.
- (b) Căn cứ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức.
- (c) Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại trụ sở Công ty, hoặc bằng séc, hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi Việt Nam theo sự chỉ định của Cổ đông, hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm trả thuế đánh trên cổ tức.
- (d) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:
 - (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc
 - (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc
 - (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc
 - (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.
- (e) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:
 - (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc
 - (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc

- (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong sổ đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao từ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.
- (f) Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng Đồng Việt Nam. Khi được yêu cầu và trong phạm vi được Pháp luật cho phép cũng như nếu khả thi, Công ty có thể chuyển đổi cổ tức này sang tiền đôla Mỹ hoặc các loại ngoại tệ khác trước khi thanh toán cho Cổ đông. Chi phí chuyển đổi tiền tệ do Cổ đông chịu.

52.2 Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

52.3 Tất cả các cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa nhận có thể được đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được Cổ đông nhận. Ngoại trừ trường hợp có quyết định khác từ Hội đồng Quản trị, Cổ đông sẽ bị tước quyền yêu cầu thanh toán đối với cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông không nhận trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày chia cổ tức và cổ tức đó sẽ trở thành tài sản của Công ty.

53. QUỸ DỰ TRỮ

Hội đồng Quản trị có thể quyết định trích từ nguồn lợi nhuận của Công ty hoặc từ các nguồn khác được Pháp luật cho phép để lập các quỹ dự trữ như: Khen thưởng, Phúc lợi, Phát triển Sản xuất, hoặc cho những mục đích khác mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp.

CHƯƠNG V CÁC QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG

54. KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký các hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động với Hội đồng Quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc một thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền.

55. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC VỀ LAO ĐỘNG

Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định theo quy định của Pháp luật.

56. CÔNG ĐOÀN

Nhân viên của Công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị-xã hội khác theo quy định của Pháp luật. Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

57. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

57.1 Quyết định việc Tổ chức Lại hoặc Giải thể

Đại Hội đồng Cổ đông có quyền quyết định việc tổ chức lại (bao gồm hợp nhất, sáp nhập, phân tách, chia doanh nghiệp hoặc các hình thức tái cấu trúc khác theo quy định của Pháp luật) hoặc giải thể Công ty. Bất kỳ hoạt động tái cấu trúc hoặc giải thể sẽ phải được tiến hành theo cách thức do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

57.2 Quy trình Giải thể

(a) Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- (i) Theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
- (ii) Công ty không còn đủ số lượng Cổ đông tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- (iii) Bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp;
- (iv) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật; hoặc
- (v) Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

(b) Trong trường hợp Công ty được giải thể, các tài sản và khoản nợ của Công ty sẽ được thanh lý theo quy định của Pháp luật. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được chia theo cách thức Pháp luật quy định, hoặc sẽ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp không có quy định tương ứng của Pháp luật.

(c) Khi có quyết định giải thể, Hội đồng Quản trị sẽ thành lập Ban Thanh lý để tiến hành thanh lý tài sản công ty theo quy định của Pháp luật.

(d) Việc gửi hồ sơ về phòng Đăng ký Kinh doanh để thực hiện việc xóa tên Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

57.3 Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VII CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

58. THÔNG BÁO

58.1 Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng điện tín, hoặc bằng fax (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

58.2 Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau tám ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư máy bay và hai ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng điện tín, fax hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.

58.3 Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.

58.4 Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông, và sẽ điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.

58.5 Công ty sẽ không cố tình sử dụng bất kỳ phương tiện giao thông báo nào mà thường được xem là không đáng tin cậy hoặc có thể gây ra sự chậm trễ đáng kể.

59. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

59.1 Giải quyết Tranh chấp không chính thức

- (a) Tranh chấp (i) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, hoặc (ii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng Quản trị, hoặc (iii) giữa (các) Cổ đông với (các) Thành viên Ban Điều hành, hoặc (iv) giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thảo luận và thương lượng trong thời hạn 30 ngày.
- (b) Nếu một Tranh chấp không được giải quyết theo Điều 59.1(a) trong thời hạn cho phép nêu trên, bất kỳ phía nào cũng có thể gửi thông báo về Tranh chấp đó ("**Thông báo Tranh chấp**") đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị yêu cầu (i) Hội đồng Quản trị giải quyết đối với các Tranh chấp nêu trong đoạn (i) và (iii) của Điều 59.1(a), hoặc (ii) Đại Hội đồng Cổ đông giải quyết Tranh chấp nêu trong đoạn (ii) và (iv) của Điều 59.1(a). Khi nhận được Thông báo Tranh chấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải nhanh chóng triệu tập Cuộc họp Hội đồng Quản trị, hoặc tùy tình huống, triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông theo đúng các thủ tục quy định trong Điều lệ này.

59.2 Các Tranh chấp Chưa được Giải quyết

Trừ khi Tranh chấp được giải quyết thành công theo Điều 59.1, bất kỳ Tranh chấp nào cũng sẽ được giải quyết chung cuộc bởi Trung Tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam ("**VIAC**") bên cạnh phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tổ tụng của VIAC. Địa điểm giải quyết tranh chấp là tại Hà Nội. Ngôn ngữ giải quyết tranh chấp là tiếng Việt.

59.3 Duy trì Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này tiếp tục có hiệu lực trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không được ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp.

60. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

60.1 Điều khoản Không Hợp pháp, Không Hiệu lực hoặc Không có Khả năng Thực thi

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

60.2 Bản chất Tích lũy của Các Quyền

Trừ khi có quy định khác một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp khắc phục trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp khắc phục nào do Pháp luật quy định.

60.3 Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Điều lệ

- (a) Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

- (b) Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại Hội đồng Cổ đông.
- (c) Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thử thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều lệ này.

61. NGÀY HIỆU LỰC

Điều lệ này sẽ có hiệu lực vào ngày ký. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn Điều lệ sửa đổi bổ sung.

62. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

62.1 Điều lệ này được lập thành mười (10) bản có giá trị như nhau được đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định và lưu giữ tại Trụ sở Chính.

62.2 Các bản trích hoặc bản sao của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được đóng dấu của Công ty mới có giá trị.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, Điều lệ này được ký vào ngày 11 tháng 11 năm 2025 bởi Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kinh doanh F88.



Họ và tên: Phùng Anh Tuấn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Handwritten signature

PHỤ LỤC 1 ĐỊNH NGHĨA

Trong Điều Lệ này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- (a) **Báo cáo Tài chính Thường niên** được định nghĩa tại Điều 51.3(c);
- (b) **Cuộc họp Thường niên** nghĩa là các cuộc họp hàng năm của Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều 22.1;
- (c) **Công ty Kiểm toán** có nghĩa là một trong các công ty sau đây PWC, Ernst & Young, KPMG, và Deloitte;
- (d) **Các Công ty Kiểm toán** có nghĩa là các công ty kiểm toán do Công ty thuê theo Điều 51.3(f);
- (e) **Hội đồng Quản trị** nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty được bổ nhiệm và có các quyền hạn và nhiệm vụ như được nêu tại Điều lệ này;
- (f) **Cuộc họp Hội đồng Quản trị** nghĩa là các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;
- (g) **Thành viên Hội đồng Quản trị** nghĩa là một thành viên của Hội đồng Quản trị;
- (h) **Quyền chọn Mua** có nghĩa là một quyền mà qua đó người nắm giữ có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, mua một số lượng Cổ phần cụ thể từ người phát hành quyền theo những điều khoản và điều kiện cụ thể.;
- (i) **Chủ tịch Hội đồng Quản trị** nghĩa là chủ tịch của Hội đồng Quản trị;
- (j) **Vốn Điều Lệ** có nghĩa là vốn điều lệ của Công ty như được đề cập đến tại các Điều 7, 8 và 9 của Điều Lệ này;
- (k) **Điều Lệ** có nghĩa là Điều Lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm;
- (l) **Công ty** nghĩa là Công ty Cổ Phần Kinh doanh F88;
- (m) **Người Có Liên quan** của một người là:
 - (i) vợ chồng, cha mẹ, cô ruột, chú ruột, ông bà nội/ ngoại, anh ruột, anh cùng cha khác mẹ/ anh cùng mẹ khác cha, anh rể, chị ruột, chị cùng cha khác mẹ/ chị cùng mẹ khác cha, chị dâu, em ruột, em cùng cha khác mẹ/ em cùng mẹ khác cha, em rể, em dâu, con ruột, con riêng, con rể, con dâu, cháu ngoại/nội hoặc con của cô ruột/ chú ruột của người đó;
 - (ii) bất kỳ người nào cùng một hộ khẩu với người đó;
 - (iii) bất kỳ pháp nhân nào do một mình người đó hoặc chung với những người nêu tại mục (i) và (ii) trên đây sở hữu ít nhất 5% một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
 - (iv) bất kỳ pháp nhân nào do một mình người đó hoặc chung với những người nêu tại mục (i) và (ii) trên đây điều hành trực tiếp hoặc gián tiếp;
 - (v) bất kỳ ai khác được định nghĩa là người có liên quan theo Điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp có thể được sửa đổi vào từng thời điểm; hoặc

(vi) bất kỳ người nào do người đó chỉ định làm người đại diện, kể cả nhằm mục đích tham gia vào các giao dịch nào mà nếu bản thân người đó tham gia thì giao dịch đó sẽ trở thành một Giao dịch Với Bên Có Liên quan.

- (n) **Tranh chấp** nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, khác biệt hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;
- (o) **Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp** nghĩa là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Cơ quan Nhà Nước ban hành để thành lập Công ty, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm;
- (p) **Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường** nghĩa là cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông khác ngoài Cuộc họp Thường niên, được triệu tập theo quy định của Điều 22.2;
- (q) **Cổ đông Sáng lập** nghĩa là Cổ đông đã thành lập Công ty đầu tiên; tên, địa chỉ và lợi ích của Cổ đông Sáng lập có trong vốn Điều lệ vào ngày của Điều lệ này được quy định tại Phụ lục 1;
- (r) **Đại Hội đồng Cổ đông** hoặc **Đại Hội đồng** nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;
- (s) **Trụ sở Chính** nghĩa là địa chỉ văn phòng đăng ký của Công ty, có thể được thay đổi vào từng thời điểm theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
- (t) **Bảng văn bản** có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết;
- (u) **Ban Kiểm soát** nghĩa là ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;
- (v) **Luật Doanh nghiệp** có nghĩa như được quy định tại phần mở đầu;
- (w) **Pháp luật** hoặc **Luật** nghĩa là Luật Doanh nghiệp và tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty;
- (x) **Cơ quan Cấp Giấy phép** có nghĩa là Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Phú Thọ hoặc, tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật;
- (y) **Thành viên Ban Điều hành** có nghĩa là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng, các Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty;
- (z) **Sổ Biên bản** có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và Cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- (aa) **Tháng** nghĩa là tháng theo dương lịch;

SR



- (bb) **Thông báo Tranh chấp** có nghĩa như được quy định tại Điều 59.1(b);
- (cc) **Người** có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào, Thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty;
- (dd) **Quyền Chọn bán** có nghĩa là một quyền mà qua đó người nắm giữ có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, bán một số lượng Cổ phần cụ thể cho người phát hành quyền theo những điều khoản và điều kiện cụ thể;
- (ee) **Các Báo cáo Tài chính Hàng quý** có nghĩa như được quy định tại Điều 52.3(d);
- (ff) **Sổ Đăng ký Cổ đông** có nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Điều 18;
- (gg) **Giao dịch với Bên Liên quan** có nghĩa là giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn vào việc vay nợ, thỏa thuận bán hoặc mua tài sản, thỏa thuận bán hoặc mua Cổ phần trong Công ty, bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh khác, được thỏa thuận giữa Công ty (bao gồm cả Công ty Con của Công ty) với một trong những Người sau đây:
- (i) thành viên hội đồng quản trị của Công ty hoặc Công ty Con;
 - (ii) Thành viên Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty Con;
 - (iii) thành viên ban kiểm soát của Công ty hoặc Công ty Con;
 - (iv) một cổ đông hoặc một nhóm các cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần của Công ty hoặc Công ty Con; hoặc
 - (v) bất kỳ một Người Có Liên quan nào với những Người nêu tại mục (i) đến (iv) trên đây;
- và các điều khoản của giao dịch được xem là bao gồm bất kỳ khoản tiền hoa hồng hoặc các khoản thanh toán tương tự hoặc các lợi ích mà bất kỳ Người nào được liệt kê tại mục (i) đến (v) trên đây nhận được, bất kể từ Công ty hoặc từ bên thứ ba, và các khoản tiền này phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan đến bất kỳ các giao dịch nào mà Công ty hoặc Công ty Con tham gia. Thuật ngữ này sẽ không bao gồm việc hoàn trả các khoản chi trả hộ chính đáng mà bất kỳ người nào được liệt kê từ mục (i) đến (v) trên đây đã chi trả thay cho Công ty hoặc Công ty Con có giá trị dưới 200.000.000 VND cho một giao dịch;
- (hh) **Các Cổ phiếu** có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của Điều 13 của Điều lệ này để làm bằng chứng quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phiếu đó;
- (ii) **Cổ đông** nghĩa là một cổ đông của Công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ này;
- (jj) **Các Cổ phần** có nghĩa là cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này và Cổ phần có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phần đó;
- (kk) **Đa số phiếu** có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 51% trong (i) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp hoặc người đại diện được ủy quyền của Cổ

đồng hiện diện tại phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết tại phiên họp; hoặc (ii) tổng số phiếu biểu quyết trong trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng văn bản;

- (ll) **Cơ quan Nhà Nước** có nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc Hội nước Việt Nam, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Việt Nam, Chủ Tịch Nước, Chính phủ, Thủ Tướng, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, các Ủy Ban Nhân Dân hoặc bất kỳ các cơ quan, các sở trực thuộc, và bất kỳ hoặc tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, sở ban ngành, cơ quan hoặc viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này;
- (mm) **Sự Chấp thuận của Nhà Nước** có nghĩa là mọi sự chấp thuận, giấy phép, giấy đăng ký, hoặc các văn bản phê chuẩn khác trong phạm vi quyền hạn của các Cơ quan Nhà Nước mà theo Công ty là cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh doanh và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác được dự kiến bởi Pháp luật hoặc bởi Điều lệ này;
- (nn) **Cổ đông Chiến lược** là Cổ đông sở hữu từ 19% trở lên tổng số Cổ phiếu có quyền biểu quyết được Đại Hội đồng Cổ đông chấp nhận là Cổ đông Chiến lược;
- (oo) **Công ty Con** có nghĩa là bất kỳ Người nào mà Công ty có sở hữu vốn góp hoặc nắm quyền kiểm soát;
- (pp) **Đại Đa số phiếu** có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 75% (i) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện trong trường hợp một Đại Hội Đồng thông qua một nghị quyết trong một cuộc họp; hoặc (ii) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong trường hợp một Đại Hội Đồng thông qua một nghị quyết bằng văn bản;
- (qq) **Việt Nam** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- (rr) **VND hoặc Đồng** có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam; và
- (ss) **Năm** có nghĩa là năm dương lịch.

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ST T	Tên Cổ đông Sáng lập	Ngày tháng năm sinh (đối với cổ đông là cá nhân)	Quốc tịch	Số, ngày, nơi cấp Giấy CN ĐKKD/ Giấy CN Thành lập hoặc CCCD	Địa chỉ đăng ký	Phần Góp vốn								Hình thức Góp vốn	Thời gian Góp vốn	
						Tổng số Cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông			Loại Cổ phần		Cổ phần Ưu đãi					
						Số lượng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Cổ phần Phổ thông		Cổ phần Ưu đãi		Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
1.	Phùng Anh Tuấn	7/12/1984	Việt Nam	Số Căn cước: 025084000640, cấp ngày 05/12/2024 tại Bộ Công an		8.366	83.660.000	0,005	8.366	83.660.000	Không	Không	Bằng tiền			
2.	Ngô Quang Hưng	5/9/1983	Việt Nam	Số Căn cước công dân: 001083003122, cấp ngày 30/10/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		8.366	83.660.000	0,005	8.366	83.660.000	Không	Không	Bằng tiền			

27

3.	Công ty Cổ phần Đầu tư F88		Số ĐKKD: 2600948135, ngày cấp 15/11/2015 (lâm đầu) tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ		167.301 .845	1.673.018.4 50.000	99,99	167.3 01.84 5	1.673.018.4 50.000	Khôn g	Không	Bằng tiền	
4.	Tổng số												

MỤC LỤC

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG	2
1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	2
2. THÀNH LẬP CÔNG TY	2
3. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
4. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	4
5. QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY	5
6. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
CHƯƠNG II VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG	7
MỤC 1. VỐN	7
7. VỐN ĐIỀU LỆ	7
8. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ	7
9. GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ	8
MỤC 2. CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU	8
10. CỔ PHẦN	8
11. CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
12. THANH TOÁN MUA CỔ PHẦN	9
13. CỔ PHIẾU	10
14. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ CHUYỂN GIAO CỔ PHẦN	11
15. MUA LẠI CỔ PHẦN	12
16. TRÁI PHIẾU	12
MỤC 3. CỔ ĐÔNG	13
17. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG	13
18. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	13
19. QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG	14
20. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	16
CHƯƠNG III TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG	16
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
21. QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
22. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
23. SỔ ĐẠI BIỂU DỰ HỌP TỐI THIỂU CẦN CÓ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19

24.NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
25.NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
26.NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN.....	21
MỤC 2.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
27.SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
28.QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
29.THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
30.NHIỆM KỲ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
31.CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
32.CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
33.SỐ THÀNH VIÊN TỐI THIỂU CẦN CÓ TẠI MỖI CUỘC HỌP HĐQT	26
34.BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
35.NGHỊ QUYẾT BẰNG VĂN BẢN THÔNG QUA KHÔNG CẦN HỌP HĐQT	26
36.BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
MỤC 3.BAN GIÁM ĐỐC	27
37.HỆ THỐNG QUẢN LÝ.....	27
38.TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	27
39.ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN	29
40.KHÔNG KIỂM NHIỆM	29
MỤC 4.CÁC GIAO DỊCH.....	30
41.GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	30
42.QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI THỤ HƯỞNG	30
43.CÔNG KHAI CÁC XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI	30
44.KHÔNG TUÂN THỦ QUY ĐỊNH.....	30
MỤC 5.BAN KIỂM SOÁT	30
45.QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	30
46.THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	32
47.NGHĨA VỤ CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỦ CHỐT	32
48.TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN CÁC CHI PHÍ	33
49.CON DẤU	33
CHƯƠNG IV HỆ THỐNG QUẢN LÝ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	33

50.TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....	33
51.BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN.....	33
52.CƠ TỨC	36
53.QUỸ DỰ TRỮ	37
CHƯƠNG V CÁC QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG.....	37
54.KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	37
55.CÁC VẤN ĐỀ KHÁC VỀ LAO ĐỘNG	37
56.CÔNG ĐOÀN	37
CHƯƠNG VI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY	37
57.TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN.....	37
CHƯƠNG VII CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	38
58.THÔNG BÁO.....	38
59.GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	39
60.ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	39
61.NGÀY HIỆU LỰC.....	40
62.ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG	40
PHỤ LỤC 1 ĐỊNH NGHĨA	42
PHỤ LỤC 2 THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	i